

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST

Ngày: 08-10-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Võ Nhân Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2021/QĐST-DS ngày 22/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2021/QĐST-DS ngày 20/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2021/QĐST-DS ngày 20/9/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N(Agribank);

Trụ sở chính: số 2, đường H, Phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện:

Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: khu phố II, thị trấn m1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Văn Đ - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Theo Quyết định uỷ quyền số 2965/QĐNHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N).

Ông Đ ủy quyền cho ông Võ Hoàng H – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng. (Xin vắng mặt)

(Theo Quyết định ủy quyền số 127/NHNoMCN-TH ngày 17/5/2021 của Giám đốc Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, Bến Tre).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Bùi Thị V**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp Hiệp Phước, xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông Võ Hoàng H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 30/10/2018 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre có ký hợp đồng tín dụng số 2018.07.05.0151/HĐTD với ông Nguyễn Văn L, theo nội dung thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre cho ông L vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, mục đích vay là phục vụ chi phí tiêu dùng đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, phương thức thanh toán 02 kỳ theo phân kỳ như sau: Ngày 07/11/2019 trả nợ gốc 10.000.000 đồng; Ngày 07/11/2020 trả nợ gốc 40.000.000 đồng; Lãi suất 10%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thỏa thuận. Ngày 07/11/2018 Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre đã giải ngân một lần số tiền 50.000.000 đồng cho ông L.

Để đảm bảo cho khoản vay này Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre có giữ của ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 182114 đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.644,1m², tọa lạc tại ấp H xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/9/2017 cho ông Nguyễn Văn L, nhưng không có thể chấp quyền sử dụng đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 19/3/2019 và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần liên hệ với ông L yêu cầu ông L trả nợ vay nhưng ông L không thực hiện. Tính đến ngày 08/10/2021 thì ông L còn nợ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre số tiền nợ vay là 65.907.740 đồng, trong đó nợ vay gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 15.907.740 đồng.

Nay Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ vay tính đến ngày 08/10/2021 là 65.907.740 đồng, trong đó nợ vay gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 15.907.740 đồng.

Yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2018.07.05.0151/HĐTD, ngày 30/10/2018 đã ký giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre với ông Nguyễn Văn L, từ ngày 09/10/2021 đến khi thanh toán tất nợ.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, ông L cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bà V cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của bà về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; thông báo thụ lý vụ án đã gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; thông báo giao nộp chứng cứ đúng quy định; kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai và tiếp cận chứng cứ cũng như xét xử nên đã vi phạm quy định tại Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông L và bà V liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/10/2021 và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/10/2021 cho đến khi trả tất nợ theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V phải liên đới trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 2018.07.05.0151/HĐTD, ngày 30/10/2018 nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ông Nguyễn Văn L không có đăng ký kinh doanh nên xác định đây là vụ án dân sự theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn L có địa chỉ nơi cư trú tại xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V đã được thông đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt ông L và bà V theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ vay: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Văn L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2018.07.05.0151/HĐTD, ngày 30/10/2018 với nội dung: Số tiền cho vay gốc là 50.000.000 đồng; Thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 30/10/2018 là ngày giải ngân vốn vay; Mục đích vay là phục vụ chi phí tiêu dùng đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình; Phương thức thanh toán 02 kỳ theo phân kỳ như sau: Ngày 07/11/2019 trả nợ gốc 10.000.000 đồng; Ngày 07/11/2020 trả nợ gốc 40.000.000 đồng; Lãi suất 10%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thỏa thuận. Ngày 30/10/2018, Ngân hàng đã giải ngân cho ông L số tiền vay 50.000.000 đồng. Thời điểm điều chỉnh lãi suất cho vay vào các ngày 10/01; 10/4; 10/7 và 10/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/01/2020. Đến kỳ điều chỉnh Ngân hàng sẽ tự điều chỉnh lãi suất cho vay trong hồ sơ vay vốn, không phải thỏa thuận bằng văn bản. Xét thấy, các thỏa thuận của các đương sự trong Hợp đồng tín dụng số 2018.07.05.0151/HĐTD, ngày 30/10/2018 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Ngân hàng xác định sau khi được giải ngân tiền vay, ông L chỉ thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 19/3/2019 với số tiền lãi là 1.821.918 đồng thì ngưng cho đến nay không thanh toán nữa. Số tiền ông L còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 08/10/2021 là 65.907.740 đồng, trong đó nợ vay gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 15.907.740 đồng. Quá trình giải quyết, ông L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của ông L về những nội dung liên quan đến việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 2018.07.05.0151/HĐTD, ngày 30/10/2018, số tiền ông L được Ngân hàng giải ngân, số tiền ông L đã thanh toán, cũng như số tiền hiện còn nợ Ngân hàng hay ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, có cơ sở xác định ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối Ngân hàng nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông L thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 08/10/2021 với số tiền yêu cầu 65.907.740 đồng là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 09/10/2021 cho đến khi ông Nguyễn Văn L trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2018.07.05.0151/HĐTD, ngày 30/10/2018 giữa Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre với ông Nguyễn Văn L.

[2.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà V có nghĩa vụ liên đới cùng ông L trả số tiền vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo Hợp đồng tín dụng số 2018.07.05.0151/HĐTD, ngày 30/10/2018 ông L là người trực tiếp ký tên trong hợp đồng tín dụng, bà V không có ký tên nhưng mục đích vay tiền là để phục vụ chi phí tiêu dùng đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình đồng thời bà V cũng ký cam kết cùng trả nợ với ông L. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bà V có nghĩa vụ liên đới cùng ông L trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ còn thiếu là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre không có ký hợp đồng thế chấp nhưng hiện đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 182114 đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.644,1m², tọa lạc tại ấp Hiệp Phước, xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/9/2017 cho ông Nguyễn Văn L. Do thửa đất này không được thế chấp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử thấy rằng, cần phải buộc Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre trả cho ông L và bà V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 227, 228, 235, 238, 254, 266, 267 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 298, 317, 319, 320, 322, 323, 429, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng: Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, cụ thể :

1. Ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền là 65.907.740 đồng, trong đó gồm: Số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 08/10/2021 là 15.907.740 đồng.

Kể từ ngày 09/10/2021 đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2018.07.05.0151/HĐTD, ngày 30/10/2018 giữa Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, Bến Tre với ông Nguyễn Văn L.

Buộc Ngân hàng N– Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 182114 đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.644,1m², tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/9/2017 cho ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.295.000 đồng ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị V có nghĩa vụ liên đới nộp.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.575.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0007101 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho Ngân hàng N.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Diễm